

Số: 21 /2015/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 10 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT
Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án
đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Xét Báo cáo số 6154/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc tình hình xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công và đề xuất chủ trương đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, chi tiết theo các Biểu số 01, 02, 03 đính kèm.

2. Thống nhất danh mục dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương, dự án huy động vốn ODA và dự án sử dụng nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu, chi tiết theo các Biểu số 04, 05, 06 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp có thay đổi về danh mục và mức vốn Trung ương hỗ trợ cho từng công trình, UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh quyết định và tổng hợp, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

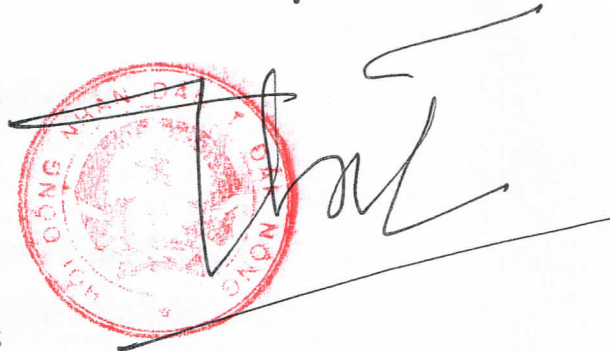
Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc thống nhất chủ trương Danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương do địa phương quản lý giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa II, kỳ họp thứ 12 thông qua./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Chi cục Văn thư - Lưu trữ;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng CT.HĐND, HSKH (Sơn)

CHỦ TỊCH



Điêu K'ré

Biểu số 01: DANH MỤC CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục chương trình/dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP, huy động khác		
	Tổng số			5.104.163	4.551.530	552.633		
A	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU			5.019.163	4.466.530	552.633		
I	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng			3.539.240	3.400.740	138.500		
1	Đường Tôn Đức Thắng nối 2 trục Bắc Nam	TX Gia Nghĩa	1km	81.000	81.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nối 2 trục đường Bắc Nam GD1 và Bắc Nam GD2
2	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	Tuy Đức	Cấp IV (MN); 40 km	110.000	110.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nhằm phát triển KT-XH, lưu thông hàng hóa, phát triển giáo dục của hơn 10 đồng bào các dân tộc xã Quảng Tâm và kết nối phát triển kinh tế trong vùng với trung tâm huyện Tuy Đức
3	Đường từ đường Nguyễn Du qua trung tâm huyện đi Quốc lộ 14 (giai đoạn 1)	Đắk Mil	5,5 Km	82.000	82.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Mở rộng không gian đô thị Đắk Mil, kết nối khu trung tâm với khu kinh tế trọng điểm của vùng phía Bắc tỉnh Đắk Nông
4	Nâng cấp đường tỉnh lộ 4, đoạn nội thị trấn Đắk Mâm	Krông Nô	4km	85.000	85.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Hoàn thiện hệ thống mạng lưới giao thông, tạo vẻ đẹp mỹ quan đô thị
5	Các trục đường khu trung tâm Hành chính huyện Đắk Glong	Đắk Glong	Cấp III; 6,347Km	87.330	87.330	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tạo đà phát triển cho trung tâm xã Quảng Khê từ đô thị loại V tiến tới đô thị loại IV
6	Trụ sở HĐND-UBND huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	Nhà làm việc 4 tầng, Cấp II	70.000	70.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tạo điều kiện cho thường trực HĐND-UBND, văn phòng HĐND-UBND và các phòng ban có nơi làm việc ổn định công tác
7	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	Đắk Song	Cấp V (MN); 10,5km	85.000	85.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Mở rộng thị trấn Đức An, là tuyến đường tránh đô thị Đức An

STT	Danh mục chương trình/dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP, huy động khác		
8	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn - Cư K'Nia - Đăk Drông- Nam Dong	Cư Jút	Cấp IV; 20 km	90.000	90.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phục vụ thường xuyên cho 30 nghìn dân thuộc các xã Trúc Sơn-Cư K'Nia-Đăk Rông-Nam Dong giao thông đi lại và vận chuyển hàng hóa, nông sản.
9	Trụ sở làm việc chung cho các cơ quan khối Đảng	TX Gia Nghĩa	Cấp III	47.000	47.000	-	Không vượt quá 5 năm, kể từ sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Xây dựng TSLV cho Ban Nội chính Tỉnh ủy, Đảng ủy khối doanh nghiệp, Ban BVCSSK cán bộ tỉnh
10	Đầu tư 10 trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đăk Nông	Toàn tỉnh	Cấp IV, 01 tầng	58.000	58.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Xây dựng Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế
11	Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức giai đoạn 2	Tuy Đức	57,5 ha	300.000	300.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Từng bước ổn định và nâng cao đời sống của những hộ đồng bào dân tộc tại chỗ, tăng cường công tác quản lý Nhà nước, giữ gìn an ninh trật tự chính trị
12	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 4 phường Nghĩa Tân	TX Gia Nghĩa	55ha	173.500	90.000	83.500	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phát triển hạ tầng kỹ thuật xã hội, nhà ở cho cán bộ công chức, viên chức.
13	Đường trục chính xã Quảng Sơn (dự kiến cho đề án tách huyện)	Đăk G'long	Cấp III; 4,3km	87.879	87.879	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông theo dự kiến thành lập huyện mới Đức Xuyên
14	Đường vào xã Ea Pô	Cư Jút	Cấp III; 20 km	90.000	90.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nối trung tâm xã Ea Pô với QL 14, tạo tiền đề phát triển về mọi mặt cho người dân xã Ea Pô
15	Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Đăk Nông	TX Gia Nghĩa	Cấp II, 05 tầng	75.000	75.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phục vụ hoạt động quản lý điều hành chỉ đạo của TT lưu trữ Nhà nước,...
16	Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân cơ - Nhân Đạo	Đăk R'lấp	Cấp V (MN); 15km	85.000	85.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tuyến đường tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, ổn định chính trị trật tự an toàn xã hội, phục vụ nhiệm vụ ANQP
17	Dự án đường Bờ Tây Hồ Trung tâm	TX Gia Nghĩa	Cấp III; 4km	120.000	120.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tạo quỹ đất sạch thu hút các nhà đầu tư, bố trí TĐC tại chỗ

STT	Danh mục chương trình/dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP, huy động khác		
18	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	Đắk Mil	2,51km	83.000	83.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phấn đấu đến 2020 và tầm nhìn 2030 thị trấn Đắk Mil thành thị xã Đức Lập
19	Đường giao thông về xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	Krông Nô	Cấp IV (MN); 19km	80.400	80.400	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Thúc đẩy giao thương, giao lưu văn hóa trong vùng, đồng thời là tuyến đường dẫn vào khu hang động núi lửa mới khám phá.
20	Dự án xây dựng Trụ sở làm việc của các xã	Toàn tỉnh	XD 10 Trụ sở làm việc nhà Cấp IV	60.000	60.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Đầu tư các xã chưa có trụ sở hay đã xuống cấp
21	Tượng đài N'Trang Long và Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912-1936 (giai đoạn 2)	TX Gia Nghĩa	Công trình văn hóa, Cấp III	131.000	76.000	55.000	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tạo điểm nhấn văn hóa, phục vụ khách du lịch, là dấu ấn kiến trúc nghệ thuật, góp phần giáo dục truyền thống thế hệ sau
22	Dự án hạ tầng hồ Đắk R'lon huyện Đắk Song (giai đoạn 1)	Đắk Song	Hạ tầng GT, bờ kè, Quảng trường	81.000	81.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phấn đấu đến 2020 thị trấn Đức An đạt đô thị loại IV
23	Hạ tầng kỹ thuật khu phụ trợ Khu công nghiệp Nhân cơ (giai đoạn 1)	TX Gia Nghĩa	1 Km đường, trạm xử lý nước thải sinh hoạt 2.000 m3/ngày đêm	100.000	100.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nhằm kêu gọi các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu phụ trợ khu Công nghiệp Nhân Cơ.
24	Khu tái định cư phía đông Hồ trung tâm	TX Gia Nghĩa	49,14ha	200.000	200.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tạo quỹ đất sạch thu hút các nhà đầu tư
25	Dự án Nâng cấp, cải tạo kênh tiêu Buôn Kruế	Krông Nô	17,3Km Kênh; Hồ chứa nước	129.000	129.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Khai thác diện tích cánh đồng trên 620ha đất trồng lúa 02 vụ
26	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông, thôn 5 tầng, xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'Nia huyện Cư Jút	Đắk Mil, Cư Jút	Cấp III; 17,26km	82.323	82.323	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, đồng bào dân tộc Mông
27	Kè chống sạt lở hồ Đắk Buk So	Tuy Đức	Kè gia cố lòng hồ và đường quanh hồ	85.000	85.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nhằm chống xói lở bờ hồ, đảm bảo an toàn cho hồ chứa, cải thiện cảnh quan đô thị

STT	Danh mục chương trình/dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP, huy động khác		
28	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 4	Krông Nô	Cấp IV (MN); 31km	270.000	270.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực thúc đẩy phát triển KT-XH, làm giảm áp lực QL14, phục vụ chia tách huyện mới Đức Xuyên
29	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'đrung	Đắk Song	Cấp V (MN); 20km	82.000	82.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tuyến đường chính đi các xã Thuận Hà, Đắk N'đrung, góp phần quản lý quốc phòng, bảo vệ an ninh biên giới
30	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông	Đắk R'lấp	Cấp V (MN) 7km	83.300	83.300	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tuyến đường chính từ QL14 qua đô thị Kiến Đức đi tỉnh lộ 681
31	Dự án GPMB theo quy hoạch gắn với Đường Bờ Đông Hồ trung tâm	TX Gia Nghĩa	26ha	65.000	65.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Thu hút đầu tư ở khu vực phía Đông Hồ trung tâm, phát triển mạnh về du lịch, thương mại
32	Nâng cấp đường Đắk R'la - Long Sơn, huyện Đắk Mil	Đắk Mil	Cấp IV (MN); 8,8km	86.000	86.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Trục đường kết nối huyện Đắk Mil - Krông Nô, đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo ANQP
33	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk lao	Đắk Mil	Cấp III; 400ha	81.000	81.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phục vụ tưới ổn định cho 400ha cây nông nghiệp
34	Trụ sở làm việc chung cho các Hội	TX Gia Nghĩa	Cấp III	31.000	31.000	-	Không vượt quá 3 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Trụ sở làm việc cho các Hội thuộc tỉnh: Hội Văn học Nghệ thuật, Hội Nhà báo, Hội khuyến học.
35	Đường từ trung tâm xã Đức Minh qua bon Jun Juh đi Quốc lộ 14 (giai đoạn 1)	Đắk Mil	Cấp IV (MN); 11,5km	82.508	82.508	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Kết nối 3 huyện Đắk Mil-Đắk Song và Đắk Mil-Krông Nô
II	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch			324.000	61.600	262.400		
1	Công viên vui chơi giải trí Liêng Nung (giai đoạn 1)	TX Gia Nghĩa	Đường chính khu vực 5,5 km; Cấp III	324.000	61.600	262.400	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Hoàn chỉnh khu công viên vui chơi du lịch sinh thái văn hóa, thu hút khách du lịch trong và ngoài tỉnh
III	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm			243.726	243.726	-		

STT	Danh mục chương trình/dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP, huy động khác		
1	Đường giao thông từ đồn Biên phòng 765 đi thôn Thuận Nghĩa xã Thuận Hạnh	Đắk Song	Cấp IV (MN); 18km	81.000	81.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tăng tính cơ động các phương tiện giao thông, tạo vành đai khẳng định chủ quyền lãnh thổ của quốc gia
2	Đường vành đai biên giới phục vụ An ninh - Quốc phòng phát triển kinh tế xã hội, xã Đắk Lao - Đức Mạnh, huyện Đắk Mil	Đắk Mil	Cấp IV; 8km	83.000	83.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Đảm bảo an ninh quốc phòng biên giới Việt Nam-Campuchia
3	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Đắk Peur	Đắk Mil	Công trình công cộng; Cấp II	79.726	79.726	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nhằm từng bước phát triển cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của hai tỉnh Đắk Nông và Moldolki nói riêng và hai quốc gia Việt Nam và Campuchia nói chung
IV	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư			80.000	80.000	-		
1	Dự án ổn định dân cư tự do xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	Tuy Đức	1,233 hộ	80.000	80.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư, giải quyết tranh chấp đất của nhân dân, ngăn chặn và đẩy lùi các băng nhóm tội phạm, bảo kê cướp đất,..
V	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững			60.464	60.464	-		
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2015-2020	Toàn tỉnh		60.464	60.464	-	Không vượt quá 3 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Đảm bảo đủ khả năng kiểm soát, phòng ngừa cháy rừng, nâng cao năng lực quản lý cán bộ Kiểm lâm
VI	CTMT đầu tư hạ tầng KKT ven biển, KKT cửa khẩu, KCN, CCN, KCN cao, khu NN ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020			231.733	80.000	151.733		
1	Hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh	TX Gia Nghĩa	120ha	227.150	80.000	147.150	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư
VII	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số			45.000	45.000	-		
1	Dự án Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh	TX Gia Nghĩa	Cấp II, 02 tầng	45.000	45.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Triển khai các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật

STT	Danh mục chương trình/dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP, huy động khác		
VIII	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số			80.000	80.000	-		
1	Bệnh viện Y học cổ truyền	TX Gia Nghĩa	Cấp II; 100 giường	80.000	80.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền
IX	Chương trình mục tiêu Giáo dục - Việc làm và An toàn lao động			45.000	45.000	-		
1	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đắk Nông	TX Gia Nghĩa	Nhà làm việc 3 tầng, cấp III	45.000	45.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Đáp ứng yêu cầu về lao động, tư vấn giới thiệu việc làm, cung ứng lao động
X	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội			60.000	60.000	-		
1	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	TX Gia Nghĩa, Đắk Mil	Nhà làm việc 2 tầng, cấp III	60.000	60.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Chăm lo, nuôi dưỡng, phục vụ các đối tượng chính sách có công đất nước, giáo dục các đối tượng xã hội, là nơi nương tựa của những mảnh đời bất hạnh...
XI	Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin			260.000	260.000	-		
1	Dự án xây dựng chính quyền điện tử để kết nối với hệ thống chung của Chính phủ	TX Gia Nghĩa	XD khung kiến trúc CNTT; nâng cấp hạ tầng CNTT-TT	260.000	260.000	-	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ứng dụng và phát triển CNTT trong quá trình xây dựng, hội nhập quốc tế
XII	Chương trình mục tiêu xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích			50.000	50.000	-		
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'lấp	San lấp mặt bằng, XD nhà làm việc	50.000	50.000	-	Không vượt quá 3 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Xử lý rác thải rắn, xử lý ô nhiễm môi trường, sản xuất phân hữu cơ trên địa bàn huyện Đắk R'lấp
B	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			85.000	85.000			

STT	Danh mục chương trình/dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP, huy động khác		
1	Xây dựng Chính quyền điện tử theo đề án chung của Trung ương	Toàn tỉnh	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu cải tạo mạng LAN các Sở, Ban, ngành,...	48.000	48.000		Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ứng dụng và phát triển CNTT
2	Trung tâm thông tin ứng dụng Khoa học Công nghệ tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Nhà làm việc Cấp III, 03 tầng	37.000	37.000		Không vượt quá 3 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nâng cao tiềm lực phát triển công nghệ sinh học và nông nghiệp công nghệ cao, hướng tới phát triển nông nghiệp tiên tiến, bền vững dựa trên cơ sở cạnh tranh bản địa kết hợp với các thành tựu mới của công nghệ sinh học và nông nghiệp công nghệ cao

Biểu số 02: DANH MỤC DỰ ÁN XIN BỔ SUNG THÊM NGUỒN NSTW HỖ TRỢ THEO KẾT LUẬN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 10 /12/015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
					Tổng mức đầu tư	Trong đó			
						NSTW	Nguồn vốn khác		
	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG THÊM				1.778.294	1.778.294			
1	Dự án Ổn định dân di cư tự do xã Đắk N'Drót, huyện Đắk Mil	Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	Ổn định tại chỗ 1.222 hộ/ 5.861 khẩu; di dời 141 hộ/ 624 khẩu	149.241	149.241		Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Ổn định đời sống, nâng cao mức sống của người dân tại vùng dự án góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương
2	Dự án ổn định dân di cư tự do đồng bào Mông, xã Quảng Hòa và Đắk R'Măng, huyện Đắk G'long	Đắk G'long	UBND huyện Đắk G'long	1.258 hộ/ 7.191 khẩu	184.246	184.246			
3	Dự án Ổn định dân di cư tự do đồng bào Mông xã Cư K'nia và xã Đắk Drông, huyện Cư Jút	Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	Ổn định cho 832 hộ	75.256	75.256			
4	Dự án trọng điểm ổn định dân di cư tự do xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	327 hộ/ 1.312 khẩu	94.694	94.694			
5	Dự án ổn định dân di cư tự do trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	1.998 hộ/ 6.541 khẩu	412.120	412.120			
6	Dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư thủy điện Buôn Tua Sarh tỉnh Đắk Nông	Đắk G'Long	UBND huyện Đắk G'long	1.241 hộ/ 8.054 khẩu	220.500	220.500			Ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư Thủy điện Buôn Tua Sarh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Mức tiêu đầu tư
					Tổng mức đầu tư	Trong đó		
						Nguồn vốn khác	hiện	
7	Dự án Nang cấp đường giao thông từ Đắk Song đi Tuy Đức	Đắk Song-Tuy Đức	Sở Giao thông vận tải	24km, cấp III miền núi	277.637	277.637	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Hoàn thiện mạng lưới giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, tăng khả năng lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương
8	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016 - 2020	Toàn tỉnh	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông	1.450 ha	75.000	75.000	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phát triển kinh tế xã hội, ổn định đời sống nhân dân địa phương
9	Nâng cấp hồ và công viên quanh hồ Đắk Biao, thị trấn Kiên Đức	Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	Cấp III	134.000	134.000	Không vượt quá 5 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phục vụ tưới tiêu cho 500ha cây trồng tại vùng dự án, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương
10	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông		120.000	120.000	Không vượt quá 3 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nâng cao chất lượng và diện phủ sóng chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh
11	Rập chiếu phim tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông	Cấp III, 500 ghế	35.600	35.600	Không vượt quá 3 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phát triển văn hóa đa sắc tộc của địa phương, góp phần thực hiện thành công mục tiêu "Chiến lược và Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030"

Biểu số 03: DANH MỤC CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2016-2020 □

(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày **10/12/2015** của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục chương trình/dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			Thời gian, tiến độ thực hiện	Mục tiêu đầu tư
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP, huy động khác		
Tổng số				5.430.000	5.430.000	-		
I	Lĩnh vực Giao thông			4.480.000	4.480.000			
1	Nâng cấp, mở rộng đường ra cửa khẩu Bu Prăng	Tuy Đức	Cấp III (MN); 53,5 km	1.300.000	1.300.000	-	Không vượt quá 8 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh, ổn định dân cư dọc biên giới
2	Đường, kết hợp Quảng trường trung tâm thị xã Gia Nghĩa	TX Gia Nghĩa	CT: Hạ tầng kỹ thuật, giao thông; Cấp III; 19,3 ha	1.210.000	1.210.000	-	Không vượt quá 8 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Nơi tổ chức lễ mitting, lễ hội, biểu diễn nghệ thuật, các sự kiện chính trị,...là điểm nhấn về không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị.
3	Đường Đắk Song - Đắk Nang	Đắk Song	Cấp IV; 58,18 km	1.120.000	1.120.000	-	Không vượt quá 8 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Kết nối 02 huyện Đắk Song-Krông Nô, giảm ách tắc QL14, QL28
4	Đường tránh đô thị xã Gia Nghĩa (giai đoạn 2)	TX Gia Nghĩa	Cấp III (MN); 13,7 km	850.000	850.000	-	Không vượt quá 8 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Phục vụ vận chuyển nguyên phụ liệu để sản xuất Alumin giữa 02 nhà máy Tân Rai, Đắk Nông
II	Lĩnh vực thủy lợi			950.000	950.000			
1	Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (giai đoạn 2)	TX Gia Nghĩa	Cấp III	950.000	950.000	-	Không vượt quá 8 năm, sau khi có kế hoạch bố trí vốn của TW	Tạo cảnh quan môi trường, mỹ quan đô thị, phục vụ nước tưới cho nông nghiệp và nước sinh hoạt cho người dân

Biểu số 04: TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ LĨNH VỰC Y TẾ, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất	Thời gian Khởi công	Tổng mức đầu tư sau cân đối nguồn giai đoạn 2016-2020	Chi chú
	Tổng cộng				433.718	
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP					
I	Giáo dục đào tạo				328.385	
1	Trường Chính trị (giai đoạn II)	Gia Nghĩa	Trường chính trị tỉnh	2016-2020	20.000	Chỉ lựa chọn một số hạng mục cấp thiết đầu tư phù hợp với cân đối ngân sách
2	Nhà công vụ trường giáo viên Trung cấp nghề Đắk Nông		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2016-2020	2.000	Xây dựng mới quy mô nhỏ, dây nhà cấp IV, phù hợp với thực tế sử dụng
3	Xây dựng phòng làm việc và các phòng để giảng dạy tiếng dân tộc		Sở Giáo dục và Đào tạo	2016-2020	11.600	Đầu tư mới
4	Hạng mục phụ trợ Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Đắk Nông		Sở Giáo dục và Đào tạo	2016-2020	2.085	Chỉ đầu tư một số hạng mục cấp thiết
5	Nhà làm việc, nhà ở Ban giám hiệu Trường Quân sự địa phương	Đắk Song	Trường Quân sự địa phương	2016-2017	4.700	
6	Trường THPT Phan Đình Phùng (giai đoạn 2)		UBND huyện Đắk Song	2016-2020	7.000	Nâng cấp, xây dựng phòng học
7	Trường THPT Lương Thế Vinh		Sở Giáo dục và Đào tạo	2016-2020	13.000	Xây dựng phòng học. Nguồn vốn ADB chỉ đầu tư khu giảng đường, chưa đầu tư nhà hiệu bộ.
8	Trường PTTH Nguyễn Du (giai đoạn 2)	Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	2016-2020	15.000	Chỉ đầu tư một số hạng mục cấp thiết
9	Ký túc xá nhà ăn trường DTNT Đắk Mil, huyện Đắk Mil		Sở Giáo dục và Đào tạo	2016-2020	7.000	
10	Ký túc xá trường DTNT Cư Jút, huyện Cư Jút	Cư Jút	Sở Giáo dục và Đào tạo	2016-2020	7.000	
11	Trường THPT xã Đắk Wil, huyện Cư Jút		UBND huyện Cư Jút	2016-2020	12.000	Đầu tư mới; Chỉ đầu tư một số hạng mục cấp thiết
12	Nhà công vụ giáo viên trường DTNT huyện Tuy Đức		UBND huyện Tuy Đức	2016-2020	2.000	

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất	Thời gian khởi công	Tổng mức đầu tư sau cân đối nguồn giải ngân 2016-2020	Chi chủ
13	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tuy Đức	Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	2016-2020	12.000	Dầu tư mới, Trước mắt chỉ đầu tư khu hành chính, làm việc.
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	2016-2020	4.000	Dầu tư mới
15	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đắk Glông		UBND huyện Đắk Glông	2016-2020	15.000	
16	Trường THPT Đắk Glông (giai đoạn 2)		UBND huyện Đắk Glông	2016-2020	8.000	
17	Trường PTH Nguyễn Đình Chiểu (giai đoạn 2)	Đắk RLấp	UBND huyện Đắk RLấp	2016-2020	13.000	Chi đầu tư một số hạng mục cấp thiết
18	Trường THPT Krông Nô	Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	2016-2020	8.000	
19	Phân cấp cho cấp huyện để đầu tư cho giáo dục	Các huyện	UBND các huyện	2016-2020	80.000	Phân cấp để đầu tư những nhiệm vụ chỉ giáo dục của cấp huyện.
20	Tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường lớp học (NQ 19, NQ34)	Các huyện	UBND các huyện	2016-2020	85.000	Phân vốn còn lại dự kiến sử dụng nguồn chi thường xuyên của Ngân sách địa phương.
21	Dự phòng				0	Trích chung trong nguồn xổ số. Để ưu tiên kinh phí đầu tư các công trình cấp thiết.
Khoa học Công nghệ					43.990	
I	Thông tin truyền thông				9.500	
1	Nâng cấp Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Văn phòng UBND tỉnh	2016-2020	3.000	
2	Dự án đầu tư phần mềm văn phòng điện tử trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông		Văn phòng UBND tỉnh	2016-2020	3.000	
3	Đề án xây dựng phòng đọc điện tử cho các cơ quan đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh Đắk Nông	Trường Quân sự tỉnh, Cơ quan Bộ chỉ huy quân sự, tiểu đoàn BB301	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	2016-2020	1.500	
4	Nghiên cứu khả thi xây dựng Chính quyền điện tử	Toàn tỉnh	Sở Thông tin và truyền thông	2016-2020	2.000	
2	Khoa học Công nghệ				20.000	

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất	Thời gian Khởi công	Tổng mức đầu tư sau cân đối nguồn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Gia Nghĩa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016-2020	20.000	
3	Dự phòng phí				14.490	Dự phòng phí tối thiểu 10% tổng nguồn Khoa học công nghệ và Thông tin truyền thông
B	NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT					
I	Lĩnh vực y tế				61.343	Ưu tiên đầu tư các xã điểm về Nông thôn mới để sớm đạt cơ bản các tiêu chí Nông thôn mới
1	Trạm y tế xã Nhân Cơ	Đắk R'Lấp	UBND huyện Đắk R'Lấp	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 18/19 tiêu chí NTM.
2	Trạm y tế xã Tâm Thắng	Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 16/19 tiêu chí NTM.
3	Trạm Y tế xã Nam Đà	Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 15/19 tiêu chí NTM.
4	Trạm y tế xã Cư Knia	Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 14/19 tiêu chí NTM.
5	Trạm y tế xã Kiến Thành	Đắk R'Lấp	UBND huyện Đắk R'Lấp	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 13/19 tiêu chí NTM.
6	Trạm y tế xã Đắk Lao	Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 12/19 tiêu chí NTM.
7	Trạm y tế Quảng Tín	Đắk R'Lấp	UBND huyện Đắk R'Lấp	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 10/19 tiêu chí NTM.
8	Trạm y tế xã Quảng Trục	Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 10/19 tiêu chí NTM.
9	Trạm y tế xã Đắk Wil	Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	2016-2020	5.000	Đến năm 2015, cơ bản đạt 8/19 tiêu chí NTM.
10	Dự phòng phí (cho giáo dục và y tế) và đầu tư các trạm y tế xuống cấp nếu Trung ương không đồng ý hỗ trợ đầu tư 10 trạm y tế. Thực hiện các nhiệm vụ giáo dục khác				16.343	Tối thiểu 10% tổng nguồn

Biểu số 05: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VẬN ĐỘNG VỐN VAY ODA GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày **10/12/2015** của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Trong đó:			Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Trong đó:				Vốn đối ứng ⁽²⁾		Vốn nước ngoài ODA	
						Tổng số ⁽¹⁾	Trong đó: NSTW			Tổng số ⁽¹⁾	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ				4.882.547	806.663	637.511	4.123.080	4.865.123	803.689	637.511	4.123.080	
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, vốn vay WB		2016-2020		313.000	31.300	21.910	281.700	313.000	31.300	21.910	281.700	
2	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VNSat)			4229/QĐ-BNN-KH, 26/10/2015	251.507	49.515		201.992	251.507	49.515		201.992	
3	Dự án hỗ trợ xử lý rác thải bệnh viện		2016-2020		44.538	6.290		38.248	44.538	6.290	0	38.248	
3	Dự án đầu tư trang thiết bị Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông, giai đoạn II		2016-2017	453/QĐ-UBND	51.218	5.122	3.585	46.096	34.454	3.248	3.585	46.096	

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020					Ghi chú	
				Số quyết định	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Trong đó:			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) ⁽³⁾		
					Trong đó:			Vốn đối ứng ⁽²⁾		Vốn nước ngoài ODA	Vốn đối ứng ⁽²⁾				
					Tổng số ⁽¹⁾	Trong đó: NSTW	Tổng số ⁽¹⁾	Trong đó: NSTW			Tổng số ⁽¹⁾	Trong đó: NSTW			
4	Đường vào dự án liên hiệp phát triển các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao của công ty TNHH nông nghiệp MJ Việt Nam	19,6 km	2016-2020	1636/QĐ-UBND, ngày 18/10/13	91.397	9.140	8.226	82.257	91.177	8.920	8.226	82.257			
5	Cấp nước sinh hoạt thị trấn Đức An		2016-2018		25.226	5.465	5.465	19.707	25.226	5.465	5.465	19.707			
6	Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông		Giai đoạn 1: 2014-2018 ; giai đoạn 2 sau năm 2020		673.161	336.581	303.000	336.580	673.161	336.581	303.000	336.580			
7	Dự án Tăng cường năng lực kinh tế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông (Giai đoạn 2)				472.500	47.250	42.525	472.500	472.500	47.030	42.525	472.500			
8	Dự án Phát triển hạ tầng đô thị huyện Đắk Mil				210.000	21.000	16.800	189.000	209.780	20.780	16.800	189.000			
9	Phát triển khu vực Tam giác phát triển				1.050.000	105.000	84.000	945.000	1.050.000	104.780	84.000	945.000			

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú	
				Số quyết định	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Trong đó:				
					Vốn đối ứng ⁽²⁾		Vốn nước ngoài ODA		Vốn đối ứng ⁽²⁾		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) ⁽³⁾		
					Tổng số ⁽¹⁾	Trong đó: NSTW			Tổng số ⁽¹⁾	Trong đó: NSTW			
10	Phát triển hạ tầng đô thị thị xã Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông				400.000	40.000	32.000	360.000	399.780	39.780	32.000	360.000	
11	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới theo Quyết định 113/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ				400.000	60.000	48.000	340.000	400.000	60.000	48.000	340.000	
12	Đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển sinh kế cho nhân dân khu vực vùng đệm bảo vệ rừng đầu nguồn Nậm Nung				600.000	60.000	48.000	540.000	600.000	60.000	48.000	540.000	
13	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông (nâng cấp quy mô từ 300 giường bệnh lên 500 giường bệnh)				300.000	30.000	24.000	270.000	300.000	30.000	24.000	270.000	



Biểu số 06: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VẬN ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày **10/12/2015** của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020			Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
					Vốn NSTW	NSDP		Vốn NSTW	NSDP	
1	2	3	4	6	7	8	10	11	12	14
	TỔNG SỐ			1.925.812	1.212.312	221.500	1.925.812	1.212.312	221.500	
I	Vận động nguồn vốn biến đổi khí hậu			1.925.812	1.212.312	221.500	1.925.812	1.212.312	221.500	
1	Hồ chứa nước Đắk N'Ting		xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong	149.746	129.746	20.000	149.746	129.746	20.000	
2	Hồ chứa nước Đắk Gắn		xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút	226.066	196.066	30.000	226.066	196.066	30.000	
3	Kè bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông		huyện Krông Nô	450.000	391.500	58.500	450.000	391.500	58.500	
4	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển sinh kế cho nhân dân khu vực vùng đệm bảo vệ rừng Nam Cát Tiên		huyện Đắk R'Lấp	500.000	435.000	65.000	500.000	435.000	65.000	
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển sinh kế cho nhân dân khu vực vùng đệm bảo vệ rừng đầu nguồn Nâm Nung		huyện Đắk Song, huyện Đắk GLong và huyện Krông Nô	600.000	60.000	48.000	600.000	60.000	48.000	